

**CÔNG TY
CỔ PHẦN GIAO NHẬN
VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01
đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	4
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 06 năm 2013	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2013	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2013	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM ngày 24 tháng 06 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Thương Mại về việc chuyển Xí nghiệp Đại lý Vận Tải Và Gom Hàng thành Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 064162 ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 20 tháng 10 năm 2009.

Trụ sở của Công ty được đặt tại số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 90 tỷ đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113000049 ngày 29 tháng 12 năm 2000 và thay đổi gần đây nhất là vào ngày 15 tháng 06 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0213005696 ngày 22 tháng 09 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh các dịch vụ: giao nhận vận tải, kho, gom hàng xuất nhập khẩu, dịch vụ thủ tục hải quan và các dịch vụ khác như tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, giám định, kiểm kiện;

- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, quản lý vỏ container cho các hãng tàu;

- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;

- Kinh doanh: kho bảo quản hàng hóa, vận tải hàng hóa;

- Kinh doanh xuất nhập khẩu, nhận ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật;

- Đại lý cho các công ty chuyển phát nhanh nước ngoài;

- Gia công nút áo bằng vỏ sò, đồ gỗ;

- Gia công quần áo và hàng gia dụng bằng nylon-nhựa PVC;

- Gia công hàng dệt may;

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, kinh doanh nhà;

- Đại lý bán vé máy bay, đại lý vận chuyển hàng hóa;

- Kinh doanh vận tải đa phương thức;

- Dịch vụ chuyển phát.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Nam Tiến	Chủ tịch
Ông Vũ Thế Đức	Phó Chủ tịch
Bà Trần Xuân Hồng	Ủy viên
Ông Bùi Ngọc Loan	Ủy viên
Ông Trương Minh Long	Ủy viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Bà Phan Phương Tuyền	Trưởng ban
Bà Lê Thị Ngọc Anh	Thành viên
Bà Vũ Thị Bình Nguyên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Nam Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Lê Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Quang Ngọc	Phó Tổng Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

Các số liệu về tình hình kinh doanh cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được soát xét bởi Công ty kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc giai đoạn tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 của Công ty.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC



Số: 14.124/BCSX-DTL

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 06 năm 2013, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 của Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 05 đến trang 28 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2013

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

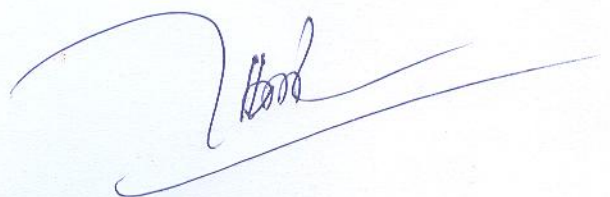
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

KIỂM TOÁN VIÊN



LỤC THỊ VÂN

Giấy chứng nhận Đăng ký
hành nghề kiểm toán số 0172-2013-026-1



NGUYỄN CHÁNH THÀNH

Giấy chứng nhận Đăng ký
hành nghề kiểm toán số 0544-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		126.363.345.872	125.612.259.228
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	35.050.057.919	52.804.286.480
1. Tiền	111		27.403.543.010	43.389.286.480
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.646.514.909	9.415.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			620.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121			620.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130	(5.2)	82.385.558.273	68.569.116.498
1. Phải thu khách hàng	131		61.979.466.334	46.275.808.840
2. Trả trước cho người bán	132		14.180.952.960	16.487.181.302
3. Phải thu nội bộ	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		8.469.460.700	8.050.448.077
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2.244.321.721)	(2.244.321.721)
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.927.729.680	3.618.856.250
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.296.648.438	498.500.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.3)	5.631.081.242	3.120.356.250

(Phần tiếp theo ở trang 6)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		59.866.374.906	56.968.256.881
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		11.913.703.121	13.761.150.939
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.4)	11.913.703.121	13.761.150.939
+ Nguyên giá	222		30.139.874.155	32.038.970.280
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.226.171.034)	(18.277.819.341)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
+ Nguyên giá	228			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.5)	47.294.355.302	42.394.371.802
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		46.568.205.302	41.668.221.802
3. Đầu tư dài hạn khác	258		726.150.000	726.150.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		658.316.483	812.734.140
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		210.892.483	371.310.140
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268		447.424.000	441.424.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		186.229.720.778	182.580.516.109

(Phần tiếp theo ở trang 7)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		50.397.626.591	48.917.259.428
I. Nợ ngắn hạn	310		50.072.876.231	48.592.509.068
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	(5.6)	27.052.689.026	21.974.716.464
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.6)	5.441.283.910	10.078.324.157
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.7)	5.877.074.544	3.373.013.950
5. Phải trả người lao động	315	(5.8)	3.038.961.305	7.433.529.020
6. Chi phí phải trả	316		2.991.074.819	1.887.494.160
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		1.072.108.004	1.264.892.694
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.9)	4.599.684.623	2.580.538.623
II. Nợ dài hạn	330		324.750.360	324.750.360
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333		324.750.360	324.750.360
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		135.832.094.187	133.663.256.681
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.10.1)	135.832.094.187	133.663.256.681
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		90.000.000.000	90.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.950.000.000	4.950.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		5.000.000.000	4.000.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	(5.10.4)	35.882.094.187	34.713.256.681
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		186.229.720.778	182.580.516.109

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

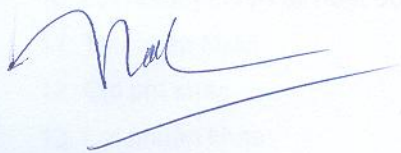
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		1.226.172,88	1.611.827,45
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ANH NAM

TRẦN THỊ BÌNH

NGUYỄN NAM TIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

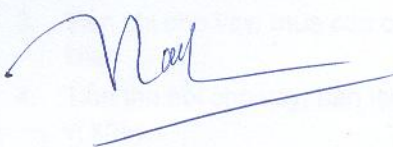
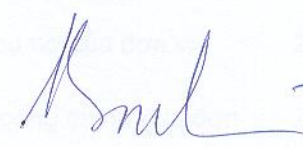
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		251.718.148.999	211.358.820.419
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	251.718.148.999	211.358.820.419
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	238.922.325.950	199.170.313.004
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.795.823.049	12.188.507.415
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	11.066.380.558	8.089.844.375
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	4.992.164.144	3.322.590.017
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	5.240.537.173	4.831.386.606
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.629.502.290	12.124.375.167
11. Thu nhập khác	31		454.545.455	
12. Chi phí khác	32		169.694.437	
13. Lợi nhuận khác	40		284.851.018	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.914.353.308	12.124.375.167
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.816.107.802	2.055.012.204
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.098.245.506	10.069.362.963

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC


NGUYỄN ANH NAM

TRẦN THỊ BÌNH

NGUYỄN NAM TIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13.914.353.308	12.124.375.167
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		1.501.791.157	1.532.248.377
Các khoản dự phòng	03			
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.473.926.314)	(4.565.835.497)
Chi phí lãi vay	06			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		7.942.218.151	9.090.788.047
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(16.307.166.767)	(6.561.880.350)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10			
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(176.532.277)	2.449.488.206
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.447.495.830)	(234.463.449)
Tiền lãi vay đã trả	13			
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.313.340.362)	(3.815.662.076)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			191.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(736.262.000)	(1.549.396.779)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20		(13.038.579.085)	(430.126.401)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(14.272.727)	(138.799.090)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		454.545.455	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		620.000.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(4.899.983.500)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			855.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.273.507.296	7.925.835.497
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.433.796.524	8.642.036.407

(Phần tiếp theo ở trang 11)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

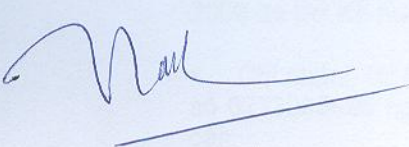
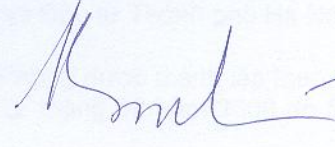
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.149.446.000)	(7.200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.149.446.000)	(7.200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(17.754.228.561)	1.011.910.006
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		52.804.286.480	35.163.560.121
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		35.050.057.919	36.175.470.127

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ANH NAM

TRẦN THỊ BÌNH

NGUYỄN NAM TIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại (dưới đây gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM ngày 24 tháng 06 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Thương Mại về việc chuyển Xí nghiệp Đại lý Vận Tải Và Gom Hàng thành Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 064162 ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 20 tháng 10 năm 2009.

Trụ sở của Công ty được đặt tại số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 90 tỷ đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113000049 ngày 29 tháng 12 năm 2000 và thay đổi gần đây nhất là vào ngày 15 tháng 06 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0213005696 ngày 22 tháng 09 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh các dịch vụ: giao nhận vận tải, kho, gom hàng xuất nhập khẩu, dịch vụ thủ tục hải quan và các dịch vụ khác như tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, giám định, kiểm kiện;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, quản lý vỏ container cho các hãng tàu;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh: kho bảo quản hàng hóa, vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu, nhận ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật;
- Đại lý cho các công ty chuyển phát nhanh nước ngoài;
- Gia công nút áo bằng vỏ sò, đồ gỗ;
- Gia công quần áo và hàng gia dụng bằng nylon-nhựa PVC;

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Gia công hàng dệt may;
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, kinh doanh nhà;
- Đại lý bán vé máy bay, đại lý vận chuyển hàng hóa;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Dịch vụ chuyển phát.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Chứng từ ghi sổ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

- Công ty hạch toán tỷ giá hối đoái theo phương pháp tỷ giá hạch toán.
- Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
+ Máy móc, thiết bị	04 - 10 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.6. Ghi nhận chi phí phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên và 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.7. Lương

Căn cứ trên Quỹ lương được duyệt của Hội đồng quản trị.

4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Việc trích lập quỹ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.10. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thuế suất thuế TNDN Công ty đang áp dụng là 20% đối với hoạt động kinh doanh chính.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.11. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn và tài sản tài chính khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả ngắn hạn khác và phải trả dài hạn khác.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

(Phần tiếp theo ở trang 17)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	1.497.056.506	1.852.134.389
Tiền gửi ngân hàng	25.906.486.504	41.537.152.091
Các khoản tương đương tiền	<u>7.646.514.909</u>	<u>9.415.000.000</u>
Tổng cộng	<u>35.050.057.919</u>	<u>52.804.286.480</u>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng Vietcombank.

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	61.979.466.334	46.275.808.840
Trả trước cho người bán	14.180.952.960	16.487.181.302
Các khoản phải thu khác	<u>8.469.460.700</u>	<u>8.050.448.077</u>
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	84.629.879.994	70.813.438.219
Dự phòng phải thu khó đòi	<u>(2.244.321.721)</u>	<u>(2.244.321.721)</u>
Giá trị thuần của các khoản phải thu	<u>82.385.558.273</u>	<u>68.569.116.498</u>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Khoản trả trước cho người bán chủ yếu là 2 khoản ứng trước sau:

- Khoản ứng trước 60% giá trị hợp đồng cho Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Hiệp Phước Khánh về việc thực hiện dịch vụ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, xin giấy phép đầu tư xây dựng kho bãi và nhà xưởng tại Xã Phước Hòa, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với số tiền là 3.087.000.000 đồng.
- Khoản ứng trước 18% giá trị hợp đồng cho Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Phú An Thạnh - Long An về việc thuê quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng trên đất tại Khu công nghiệp Bắc An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An với số tiền là 4.886.532.207 đồng.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư vào 127.132m ² đất ở Nhơn Trạch - Đồng Nai	7.396.356.080	7.396.356.080
Cổ tức, lợi nhuận được chia	915.568.000	-
Khác	<u>157.536.620</u>	<u>654.091.997</u>
Cộng	<u>8.469.460.700</u>	<u>8.050.448.077</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.3. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tạm ứng	5.611.081.242	3.120.356.250
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	<u>20.000.000</u>	<u>-</u>
Tổng cộng	<u>5.631.081.242</u>	<u>3.120.356.250</u>

5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	8.082.292.806	2.148.489.070	20.193.011.461	1.615.176.943	32.038.970.280
Mua trong kỳ	-	14.272.727	-	-	14.272.727
Thanh lý, nhượng bán	-	(47.619.047)	(407.266.667)	-	(454.885.714)
Phân loại sang công cụ, dụng cụ	(29.319.000)	(446.252.077)	(20.000.000)	(962.912.061)	(1.458.483.138)
Số dư cuối kỳ	<u>8.052.973.806</u>	<u>1.668.890.673</u>	<u>19.765.744.794</u>	<u>652.264.882</u>	<u>30.139.874.155</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	5.761.917.498	1.108.967.959	10.192.061.550	1.214.872.334	18.277.819.341
Khấu hao trong kỳ	307.506.804	122.328.064	969.137.884	102.818.405	1.501.791.157
Thanh lý, nhượng bán	-	(47.619.047)	(237.572.230)	-	(285.191.277)
Phân loại sang công cụ, dụng cụ	(29.319.000)	(383.393.435)	(20.000.000)	(835.535.752)	(1.268.248.187)
Số dư cuối kỳ	<u>6.040.105.302</u>	<u>800.283.541</u>	<u>10.903.627.204</u>	<u>482.154.987</u>	<u>18.226.171.034</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	2.320.375.308	1.039.521.111	10.000.949.911	400.304.609	13.761.150.939
Tại ngày cuối kỳ	<u>2.012.868.504</u>	<u>868.607.132</u>	<u>8.862.117.590</u>	<u>170.109.895</u>	<u>11.913.703.121</u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.193.563.826 đồng.

5.5. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	32.700.683.500	27.800.700.000
Đầu tư vào công ty liên doanh	13.867.521.802	13.867.521.802
Đầu tư dài hạn khác	<u>726.150.000</u>	<u>726.150.000</u>
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	<u>47.294.355.302</u>	<u>42.394.371.802</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	<u>-</u>	<u>-</u>
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	<u>47.294.355.302</u>	<u>42.394.371.802</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Đầu tư vào công ty liên kết được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương Hà Nội (Vinatrans Logistics)	1.320.000	13.200.000.000	1.320.000	13.200.000.000
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	439.200	4.392.000.000	439.200	4.392.000.000
Công ty Cổ phần Logistic Kim Thành	1.510.868	15.108.683.500	1.020.870	10.208.700.000
Tổng cộng		32.700.683.500		27.800.700.000

Lý do thay đổi với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành: Công ty góp vốn theo tiến độ - xem thêm mục 7.

Đầu tư vào công ty liên doanh được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	9,15%	4.908.430.302	9,15%	4.908.430.302
Công ty Liên Doanh Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	51%	3.680.051.500	51%	3.680.051.500
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	49%	3.148.740.000	49%	3.148.740.000
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	45%	2.130.300.000	45%	2.130.300.000
Tổng cộng		13.867.521.802		13.867.521.802

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị
Công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vinatrans	9,81%	726.150.000	9,81%	726.150.000
Tổng cộng		726.150.000		726.150.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.6. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	27.052.689.026	21.974.716.464
Người mua trả tiền trước	<u>5.441.283.910</u>	<u>10.078.324.157</u>
Tổng cộng	<u>32.493.972.936</u>	<u>32.053.040.621</u>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

5.7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	556.216.057	573.787.827
Thuế thu nhập doanh nghiệp	972.326.124	469.558.684
Thuế thu nhập cá nhân	161.717.235	100.743.235
Các loại thuế khác	<u>4.186.815.128</u>	<u>2.228.924.204</u>
Tổng cộng	<u>5.877.074.544</u>	<u>3.373.013.950</u>

5.8. Phải trả người lao động

Là quỹ lương còn phải trả.

5.9. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	2.580.538.623	3.235.490.623
Trích lập trong kỳ	2.729.408.000	3.738.940.000
Sử dụng trong kỳ	<u>(710.262.000)</u>	<u>(1.486.180.000)</u>
Số dư cuối kỳ	<u>4.599.684.623</u>	<u>5.488.250.623</u>

(Phần tiếp theo ở trang 21)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI
THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.10. Vốn chủ sở hữu

5.10.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	90.000.000.000	4.950.000.000	3.000.000.000	26.784.766.403	124.734.766.403
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	26.225.647.057	26.225.647.057
Chia cổ tức	-	-	-	(13.500.000.000)	(13.500.000.000)
Tăng khác	-	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Giảm khác	-	-	-	(4.797.156.779)	(4.797.156.779)
Số dư đầu năm nay	90.000.000.000	4.950.000.000	4.000.000.000	34.713.256.681	133.663.256.681
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	12.098.245.506	12.098.245.506
Chia cổ tức	-	-	-	(7.200.000.000)	(7.200.000.000)
Tăng khác	-	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Giảm khác	-	-	-	(3.729.408.000)	(3.729.408.000)
Số dư cuối kỳ	90.000.000.000	4.950.000.000	5.000.000.000	35.882.094.187	135.832.094.187

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.10.2. Cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	9.000.000	9.000.000

Mệnh giá cổ phần phổ thông đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.

5.10.3. Phân phối lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	34.713.256.681	26.784.766.403
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	12.098.245.506	10.069.362.963
Chia cổ tức	(7.200.000.000)	(7.200.000.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.313.929.000)	(3.200.140.000)
Trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Khen thưởng Ban điều hành	(415.479.000)	(538.800.000)
Khác	-	(58.216.779)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	35.882.094.187	24.856.972.587

(Phần tiếp theo ở trang 23)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu phòng hàng không	65.327.835.638	80.995.122.760
Doanh thu phòng đường biển	47.056.457.547	43.534.286.903
Doanh thu phòng logistics	27.660.458.812	24.768.418.206
Doanh thu phòng Hapag - Lloyd	-	1.189.736.360
Doanh thu chi nhánh Hà Nội	90.768.678.797	46.696.968.126
Doanh thu chi nhánh Hải Phòng	<u>20.904.718.205</u>	<u>14.174.288.064</u>
Doanh thu thuần	<u>251.718.148.999</u>	<u>211.358.820.419</u>

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn phòng hàng không	61.446.315.275	75.942.744.855
Giá vốn phòng đường biển	44.176.747.469	41.723.998.021
Giá vốn phòng logistics	24.448.573.883	21.338.966.047
Giá vốn phòng Hapag - Lloyd	-	1.142.150.422
Giá vốn chi nhánh Hà Nội	88.289.111.908	45.296.225.167
Giá vốn chi nhánh Hải Phòng	<u>20.561.577.415</u>	<u>13.726.228.492</u>
Tổng cộng	<u>238.922.325.950</u>	<u>199.170.313.004</u>

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.014.200.430	4.101.358.090
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.846.167.477	2.378.508.878
Lãi tiền gửi	174.874.866	464.477.407
Lãi từ bán cổ phiếu	-	1.145.500.000
Khác	<u>31.137.785</u>	<u>-</u>
Tổng cộng	<u>11.066.380.558</u>	<u>8.089.844.375</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6.4. Chi phí tài chính

Là khoản lỗ chênh lệch tỷ giá

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	2.241.630.910	2.090.865.393
Chi phí vật liệu	265.134.660	329.842.779
Chi phí đồ dùng văn phòng	113.001.050	80.332.681
Chi phí khấu hao tài sản cố định	188.150.186	189.294.995
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.853.131.567	1.649.638.139
Chi phí quản lý khác	<u>575.488.800</u>	<u>487.412.619</u>
Tổng cộng	<u>5.240.537.173</u>	<u>4.831.386.606</u>

6.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân công	18.119.435.781	17.948.542.898
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.501.791.157	1.532.248.377
Chi phí dịch vụ mua ngoài	205.288.508.293	164.988.458.062
Chi phí khác bằng tiền	<u>19.253.127.892</u>	<u>19.532.450.273</u>
Tổng cộng	<u>244.162.863.123</u>	<u>204.001.699.610</u>

(Phần tiếp theo ở trang 25)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các bên sau đây được xem là có liên quan với Công ty:

<u>Tên các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)	Công ty con
2. Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương Hà Nội (VNT Logistics)	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	Công ty liên kết
4. Công ty Cổ phần Logistic Kim Thành	Công ty liên kết
5. Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	Công ty liên doanh
6. Công ty Liên Doanh Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	Công ty liên doanh
7. Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	Công ty liên doanh
8. Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Công ty liên doanh
9. Ông Nguyễn Nam Tiến	Tổng Giám đốc

- Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch trong kỳ như sau:

	Kỳ này
Góp vốn - xem thêm mục 5.5	4.899.983.500
Cung cấp dịch vụ	982.305.849
Sử dụng dịch vụ	2.712.766.185

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
Thù lao Hội đồng quản trị	146.000.000	406.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	<u>1.124.740.400</u>	<u>1.147.635.000</u>
Tổng cộng	<u>1.270.740.400</u>	<u>1.553.635.000</u>

8. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.11.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2013	01/01/2013
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.050.057.919	52.804.286.480
Phải thu khách hàng và phải thu khác	60.650.712.613	44.031.487.119
Đầu tư ngắn hạn khác	-	620.000.000
Đầu tư dài hạn khác	726.150.000	726.150.000
Tài sản tài chính khác	467.424.000	441.424.000
Tổng cộng	96.894.344.532	98.623.347.599
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	27.999.876.497	21.974.716.464
Chi phí phải trả	2.991.074.819	1.887.494.160
Phải trả dài hạn khác	324.750.360	324.750.360
Tổng cộng	31.315.701.676	24.186.960.984

Hiện nay, do Thông tư 210/2009/TT-BTC, ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính nên Công ty không thể đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Hiện nay, do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này nên Công ty không thể thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này.

- Rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Hiện nay, do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này nên Công ty không thể thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2013	01/01/2013	30/06/2013	01/01/2013
Đô la Mỹ (USD)	-	-	1.522.796,44	2.162.431,16

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản nợ và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/06/2013	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	27.999.876.497	-	27.999.876.497
Chi phí phải trả	2.991.074.819	-	2.991.074.819
Phải trả dài hạn khác	-	324.750.360	324.750.360
01/01/2013	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	21.974.716.464	-	21.974.716.464
Chi phí phải trả	1.887.494.160	-	1.887.494.160
Phải trả dài hạn khác	-	324.750.360	324.750.360

Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

30/06/2013	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	60.650.712.613	-	60.650.712.613
Đầu tư dài hạn khác	-	726.150.000	726.150.000
Tài sản tài chính khác	20.000.000	447.424.000	467.424.000
01/01/2013	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	44.031.487.119	-	44.031.487.119
Đầu tư ngắn hạn khác	620.000.000	-	620.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	726.150.000	726.150.000
Tài sản tài chính khác	-	441.424.000	441.424.000

9. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

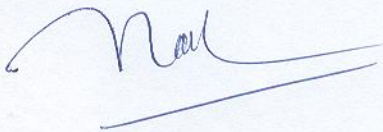
Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 27 tháng 08 năm 2013.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ANH NAM



TRẦN THỊ BÌNH

NGUYỄN NAM TIẾN